

Bản án: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2018
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vi

2. Ông Phạm Ngọc Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L X: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 42/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Hồng N, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 226, tổ 3, đường L, khóm P, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh X, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 18, tổ 54, đường L, khóm B, phường B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2017, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai cùng ngày 09/01/2018 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Trương Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Hồng N và ông Lê Minh X tự quen biết, tìm hiểu nhau. Hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2014 tại UBND phường B, thành phố L X, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của vợ chồng bà. Sau khi kết hôn bà N và ông X chung chung sống tại nhà của bà N số 226, tổ 3, đường L, khóm P, phường M, thành phố L X, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống kéo dài đến đầu năm 2016 thì trở về nhà ông X sinh sống tại số 18, đường L, khóm B, phường B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

Bà N và ông X sống chung đến khoảng tháng 6/2016 thì ông X bị đưa đi cai nghiện bắt buộc. Sau khi trở về thì ông X có hành vi chửi và đánh bà N, bỏ bê vợ con và sử dụng ma túy, bà N nhiều lần khuyên can vì tình nghĩa vợ chồng để ông có thay đổi tính tình, nhưng ông X vẫn không thay đổi, dẫn đến bà N và ông X đã ly thân từ tháng 8/2017. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không mang lại hạnh phúc ngày càng trầm trọng nên bà N yêu cầu được ly hôn đối với ông Lê Minh X.

- Về quan hệ con chung: bà N và ông X có 01 (một) con chung tên Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 30/01/2015, cháu Phương N hiện nay bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu tòa án chấp nhận ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương N và không yêu cầu ông X cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà N trình bày không có.

* Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Minh X không đến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N, yêu cầu nuôi con của bà N.

- *Tại phiên tòa:*

Bà Trương Hồng N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 16/01/2018 lý do bà phải đi làm ăn ở xa. Ông Lê Minh X vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Minh X theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/7/2018, ông X vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông X là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu ông X nên ông X không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Nguyên đơn bà N trình bày không có. Do ông X không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bà Trương Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/7/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tranh chấp giữa bà Trương Hồng N với ông Lê Minh X là tranh chấp yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L X theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố L X thụ lý giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành thu thập chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường B xác định ông Lê Minh X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 18, tổ 54, đường L, khóm B, phường B, thành phố L X, tỉnh An Giang, hiện nay ông vẫn còn sinh sống tại địa phương. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Minh X.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Hồng N và ông Lê Minh X kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2014 tại UBND phường B, thành phố L X, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng bà N và ông X phát sinh mâu thuẫn, bà N xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Bà N trình bày, giữa bà với ông X về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống chung bà N và ông X đã có phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do ông X không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đánh đập, bỏ bê vợ con và sử dụng ma túy. Năm 2016 bà ly thân cho đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn.

[6] Ông Lê Minh X không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà N, cũng không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông X trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông, bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục đi trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Hồng N.

[7] Về con chung: bà Trương Hồng N và ông Lê Minh X có 01 (một) con chung tên Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 30/01/2015, lời khai của bà N phù hợp với trích lục khai sinh số 517/TLKS-BS ngày 28/11/2017. Do thời gian qua bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử xét về quyền lợi mọi mặt của con và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu Phương N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông X không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: Bà Trương Hồng N phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8 và Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng N được ly hôn với ông Lê Minh X.

[2] Về quan hệ con chung: bà Trương Hồng N và ông Lê Minh X có 01 (một) con chung tên Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 30/01/2015.

Bà Trương Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lê Ngọc Phương N, sinh ngày 30/01/2015.

Ông Lê Minh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không có yêu cầu.

Bà Trương Hồng N và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Lê Minh X thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] **Về án phí:** Bà Trương Hồng N phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004902, ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L X, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] **Về quyền kháng cáo:**

Bà Trương Hồng N, ông Lê Minh X được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L X;
- Chi cục THADS Tp.L X;
- UBND phường B, Tp.L X;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyên